TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 04 – 2023
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mý và bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; Nơi ĐKHKTT: Thôn Tân Lập, xã Ia Sao, huyện G, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay: Số nhà 24, tổ 4, khu Minh Hòa, phường C, thành phố C1, Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn Tân Sao, xã Ia Yok, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 03/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Yok, huyện G, tỉnh Gia Lai vào ngày 09/3/2022, Giấy chứng nhận kết hôn số 16.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Đến tháng 5/2022, đời sống vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên đi công tác xa nhà, vợ chồng ít có thời gian gặp mặt, quan tâm, giúp đỡ nhau, anh T còn có quan hệ tình cảm với người con gái khác, chị H đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi, thực tế vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị H và anh T chưa có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Duy T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thừa nhận về thời gian, địa điểm, các điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 5/2022 vì anh làm nghề MC nên phải thường xuyên đi tổ chức sự kiện, ít có thời gian ở nhà, vợ chồng ít có thời gian sống chung, quan tâm, chăm sóc nhau. Anh nhận thấy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh nhất T như trình bày của chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn là anh Nguyễn Duy T vắng mặt tại phiên hòa giải, có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/11/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ngày 20/02/2023 bị đơn anh Nguyễn Duy T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tham gia tố tụng của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Duy T.

Về con chung: Chị H anh T không có con chung, nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Duy T, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn", bị đơn anh Nguyễn Duy T có địa chỉ cư trú tại xã Ia Yok, huyện G, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

[1.2]. Về việc tham gia tố tụng của đương sự:

Chị H, anh T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị H, anh T.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T thấy rằng:

Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện kết hôn, thực hiện đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 2, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì mục đích của của việc kết hôn là nhằm xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, giữa chị H và anh T sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T thường xuyên công tác xa nhà, vợ chồng ít có thời gian quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hiện tại vợ chồng không còn sống chung, không còn yêu thương nhau, cùng mong muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng vợ chồng chị H anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, việc chị H xin ly hôn anh T là phù hợp có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận cho chị H ly hôn anh T.

[2.2]. Về con chung: Chị H anh T không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về các vấn đề của vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, cho chị H ly hôn anh Nguyễn Duy T là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 – 12 – 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Duy T.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai số 0008726 ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THA dân sự huyện G;
- UBND xã Ia Yok, xã Ia Sao, huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trọng Việt Anh